ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN GIÁO DỤC MẦM NON SAU ĐÁNH GIÁ NGOÀI GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 2997/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

1. Mục đích xây dựng kế hoạch

a) Để xác định những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu để khắc phục những tồn tại, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng chương trình đào tạo của Trường;

b) Là cơ sở để các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tao;

c) Làm căn cứ để Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên kiểm tra, giám sát hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch

a) Nguồn lực và thực tiễn tồn tại của chương trình đào tạo;

b) Kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội tại Nghị quyết thẩm định kết quả đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Mầm non;

c) Khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tại Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Mầm non.

3. Nội dung kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
1.	Tham gia trao đổi chuyên môn giáo dục mầm non (GDMN) với các đơn vị trong nước/quốc tế	Khoa GDMN	Phòng KHCN-HTQT	2026-2030	Biên bản làm việc trao đổi chuyên môn GDMN với các đơn vị trong nước/quốc tế.	1 (1.1)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
2.	Thực hiện rà soát, chỉnh sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT theo kế hoạch chung của Nhà trường	Khoa GDMN	Phòng BĐCLGD Phòng Đào tạo	2026-2030	Bản CĐR và CTĐT chi tiết được phê duyệt; Biên bản các cuộc họp rà soát; Báo cáo đánh giá mức độ đạt được và đối sánh với yêu cầu mới để xác định sự phù hợp Báo cáo kết quả khảo sát, phân tích theo hướng cải tiến CTĐT tiệm cận khu vực, bắt đầu từ CĐR.	1 (1.2,1.3) 3 (3.1,3.2) 4 (4.1)
3.	Rà soát, điều chỉnh Đề cương học phần	Khoa GDMN	Phòng BĐCLGD	2026-2030	Biên bản các cuộc họp rà soát; Đề cương học phần được phê duyệt	2 (2.2) 3 (3.3) 4 (4.2) 5 (5.1,5.3) 10 (10.3)
4.	Thiết kế bản mô tả CTĐT dưới nhiều hình thức khác nhau	Khoa GDMN	Phòng BĐCLGD	2026-2030	Bản mô tả chương trình đào tạo được thiết kế dưới nhiều hình thức phù hợp mục tiêu phát triển và nhóm đối tượng	2 (2.1)
5.	Toạ đàm về chủ đề: Tự học của sinh viên	Khoa GDMN	Phòng Đào tạo, BĐCLGD	2026-2030	Biên bản toạ đàm về chủ đề: Tự học của sinh viên	4 (4.3)
6.	Toạ đàm, hướng dẫn SV năng lực phản hồi kết quả học tập, ưu tiên ứng dụng CNTT	Khoa GDMN	Phòng Đào tạo, BĐCLGD	2026-2030	Biên bản toạ đàm, hướng dẫn SV năng lực phản hồi kết quả học tập	5 (5.4)
7.	Triển khai giao nhiệm vụ tổng thể cho cán cán bộ, giảng viên cả năm học.	Khoa GDMN	Các đơn vị liên quan	2026-2030	Biên bản họp Khoa giao nhiệm vụ tổng thể cho cán cán bộ, giảng viên cả năm học.	6 (6.2)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
8.	Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2035	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong trường	2025-2026	Bản Quy hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2035 được phê duyệt	6 (6.1, 6.5) 7 (7.1)
9.	Rà soát, bổ sung các quy định, chính sách tuyển dụng, bao gồm: Quy định về tuyển dụng viên chức; sử dụng và quản lý viên chức và người lao động trong trường Đại học Sư phạm; Quy định về tạo nguồn giảng viên; Quy định về hợp đồng lao động trong Trường Đại học Sư phạm; Quy định về thu hút, giữ chân người tài	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong trường	2026-2030	Các quy định được chỉnh sửa, bổ sung hoặc ban hành mới, ban hành thay thế	6 (6.3)
10.	Rà soát, cập nhật Đề án vị trí việc làm	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong trường	2026-2030	Đề án vị trí việc làm được rà soát, chỉnh sửa	6 (6.4) 7 (7.2)
11.	Rà soát, chỉnh sửa bộ chỉ số KPIs để đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả công việc của giảng viên	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Bộ chỉ số KPIs được rà soát, chỉnh sửa	6 (6.4, 6.6)
12.	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cử giảng viên tham gia tập huấn bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, trao đổi học thuật trong và ngoài nước	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Bản kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt	6 (6.5)
13.	Rà soát, chỉnh sửa, ban hành quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động phù hợp với thực tiễn; Đối sánh kết quả sau cải tiến quy định	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong Trường	2025-2028	Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động trong trường Đại học Sư phạm được ban hành Bản báo cáo kết quả đối sánh	6 (6.6)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
14.	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên; cử chuyên viên, nhân viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo quy định	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong trường	2026-2030	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt	7 (7.4)
15.	Tiếp tục triển khai Biên bản giao nhận nhiệm vụ cho viên chức, người lao động theo năm học	Phòng HC-TC	Các đơn vị trong trường	2026-2030	Biên bản giao nhận nhiệm vụ được ký kết theo từng năm học	7 (7.5)
16.	Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên về thiết kế CTĐT theo CĐR.	Phòng HCTC	Phòng Đào tạo Phòng BĐCLGD;	2026-2030	Kế hoạch tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên về thiết kế CTĐT theo tiếp cận CĐR.	3 (3.1)
17.	Rà soát Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;	Phòng Đào tạo	Các đơn vị trong trường	2026-2030	Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN được ban hành.	3 (3.1) 4 (4.1) 10 (10.2)
18.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (IU)	Phòng Đào tạo	Các đơn vị liên quan	2026-2030	Phần mềm quản lý đào tạo (IU) mới hoặc được nâng cấp	5 (5.3-5.4) 8 (8.3) 11 (11.1)
19.	Phân tích kết quả học tập của sinh viên với từng đối tượng tuyển sinh	Phòng BĐCLGD	Phòng Đào tạo	2026-2030	Phân tích kết quả học tập của sinh viên với từng đối tượng tuyển sinh	8 (8.1, 8.2)
20.	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ NCKH trong trong trường, trong đó có giảng viên trẻ.	Phòng KHCN-HTQT	Phòng HC-TC, KH-TC	2026-2030	Ít nhất 01 chính sách được xây dựng	6 (6.7)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
21.	Xây dựng chính sách thúc đẩy các dự án, đề tài liên ngành và có khả năng chuyển giao kết quả để phát huy tiềm lực của giảng viên	Phòng KHCN-HTQT	Phòng HC-TC, KH-TC	2026-2030	Phê duyệt hoặc triển khai 03-05 đề tài nghiên cứu liên ngành.	6 (6.7)
22.	Triển khai kế hoạch KHCN&ĐMST cho người học trong đó trọng tâm các hướng nghiên cứu gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Tổ chức hội nghị khoa học cho người học, cử người học tham gia Hội nghị, hội thảo.	Phòng KHCN-HTQT	Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên, Phòng KH-TC	2026-2030	Triển khai 01 kế hoạch KHCN&ĐMST cho người học trong đó trọng tâm các hướng nghiên cứu gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên theo năm học. Hàng năm tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa, Trường. Cử 15-20 sinh viên tham hội nghị hội thảo theo đề nghị của các khoa (nếu có).	8 (8.4)
23.	Triển khai thực hiện các đề tài về KHGD, các đề tài theo hướng tạo các sản phẩm mang tính ứng dụng cao, có tính đột phá để xây dựng và phát triển các mô hình, chuyên đề dạy học mới trong bối cảnh chuyển đổi số.	Phòng KHCN-HTQT	Phòng Đào tạo	2026-2030	Triển khai thực hiện 03-05 đề tài về KHGD, các đề tài theo hướng tạo các sản phẩm mang tính ứng dụng cao, có tính đột phá để xây dựng và phát triển các mô hình, chuyên đề dạy học mới trong bối cảnh chuyển đổi số.	10 (10.4)
24.	Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chuyên đề có sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế, các đối tác để phát triển chương trình đào tạo	Phòng KHCN-HTQT	Phòng Đào tạo	2026-2030	Tổ chức 02-03 hội thảo chuyên đề về nghiên cứu ứng dụng kết quả nghiên cứu để phát triển chương trình đào tạo.	10 (10.4)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
25.	Xây dựng chính sách thúc đẩy công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục WoS, Scopus.	Phòng KHCN-HTQT	Phòng HC-TC, KH-TC	2026-2030	Ít nhất 01 chính sách được xây dựng	11 (11.4)
26.	Tổ chức hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho người học.	Phòng KHCN-HTQT	Phòng HC-TC, KH-TC, Đoàn thanh niên	2026-2030	Hàng năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho người học	11 (11.4)
27.	Xây dựng quy định đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Phòng BĐCLGD	Các phòng, khoa	2025-2026	Ban hành Quy định đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	5 (5.1, 5.3) 10 (10.3)
28.	Thực hiện thống kê, phân tích kết quả thi bao gồm phân tích mối tương quan giữa điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhằm rà soát và cải tiến chất lượng ngân hàng câu hỏi thi đáp ứng theo CĐR	Phòng BĐCLGD	Phòng Đào tạo	Hàng năm	Báo cáo phân tích phổ điểm thi các học phần (từng học phần của từng CTĐT).	5 (5.3)
29.	Thực hiện rà soát ngân hàng câu hỏi để đảm bảo độ giá trị và tin cậy, từ đó điều chỉnh phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với CĐR và đặc thù ngành	Phòng BĐCLGD	Các khoa	2026-2030	Ngân hàng câu hỏi thi sau rà soát và biên bản rà soát ngân hàng câu hỏi thi	5 (5.3)
30.	Rà soát, điều chỉnh quy định thực hiện khảo sát các bên liên quan, trong đó có rà soát nội dung bộ câu hỏi khảo sát các bên liên quan	Phòng BĐCLGD	Các phòng, khoa	2026-2030	Quy định thực hiện khảo sát các bên liên quan được điều chỉnh và ban hành	7 (7.3) 10 (10.3, 10.5, 10.6)
31.	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo	Phòng BĐCLGD	Các phòng, khoa	2026-2030	Báo cáo đánh giá kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo.	10 (10.6) 11 (11.5)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
32.	Xâ dựng và triển khai Kế hoạch kết nối, phục vụ cộng hàng năm.	Phòng CTSV	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Báo cáo kết quả kết nối, phục vụ cộng đồng hàng năm.	6 (6.2)
33.	Rà soát quy định phục vụ cộng đồng, đa dạng hơn các hình thức PVCĐ để đánh giá và ghi nhận đối với giảng viên	Phòng CTSV	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Báo cáo kết quả kết nối, phục vụ cộng đồng hàng năm.	6 (6.6)
34.	Thành lập phòng tư vấn tâm lý do chuyên gia khoa Tâm lý giáo dục phụ trách chuyên môn	Phòng CTSV	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Phòng tư vấn tâm lý hoạt động hiệu quả	8 (8.5)
35.	Xây dựng mạng lưới cựu người học TNUE	Phòng CTSV	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Ban Chấp hành hội cựu người học TNUE ra mắt; Kế hoạch hoạt động của Hội cựu người học được triển khai hàng năm.	11 (11.3)
36.	Xây dựng và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khởi nghiệp, tổ chức cuộc thi khởi nghiệp hàng năm	Phòng CTSV	Các đơn vị trong Trường	2026-2030	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khởi nghiệp; cuộc thi khởi nghiệp được tổ chức hàng năm.	11 (11.3)
37.	Nâng cấp các phần mềm quản lý đào tạo để đảm bảo truy cập nhanh chóng và thuận lợi	Phòng CNTT-TV	Phòng Đào tạo, Phòng quản lý CSVC.	2026-2030	Hệ thống quản lý đào tạo nâng cấp, thời gian truy cập cải thiện, tài liệu hướng dẫn.	5 (5.4)
38.	Lập kế hoạch số hóa tài liệu (bài giảng, giáo trình); Mua bản quyền truy cập tài liệu điện tử và tạp chí quốc tế.	Phòng CNTT-TV	Phòng QLCSVC,	2026-2030	Kho tài liệu điện tử mở rộng, phần mềm quản lý thư viện nâng cấp, danh sách bản quyền	9 (9.2)
39.	Đầu tư nâng cấp phần mềm đáp ứng yêu cầu quản trị Thư viện điện tử hiện đại	Phòng CNTT-TV	Phòng QLCSVC	2026-2030	Phần mềm quản lý thư viện được nâng cấp và bảo trì.	9 (9.2)

TT	Hoạt động cải tiến chất lượng	Đơn vị chủ trì xây dựng	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Tiêu chuẩn
40.	Ban hành đề án chuyển đổi số;	Phòng CNTT-TV	Phòng QLCSVC,	2026-2030	Đề án chuyển đổi số được ban hành và triển khai.	9 (9.4)
41.	Nâng cấp hệ thống LMS.	Phòng CNTT-TV	Phòng QLCSVC	2026-2030	Hệ thống LMS được nâng cấp.	10 (10.5)

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài được hoạch toán trong nguồn kinh phí hoạt động của Trường trên cơ sở các đơn vị chủ trì lập dự toán trình Hiệu trưởng phê duyệt phù hợp với nguồn lực tài chính của Trường.

5. Tổ chức thực hiện

a) Phòng Bảo đảm chất lượng giáo dục: Chủ trì, đôn đốc và giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng; hàng năm tập hợp báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng từ các đơn vị để báo cáo Hiệu trưởng.

b) Phòng Kế hoạch – Tài chính: Chủ trì, triển khai và hướng dẫn các đơn vị đưa nội dung kế hoạch cải tiến chất lượng vào kế hoạch hằng năm của đơn vị.

c) Các phòng, Khoa Giáo dục Mầm non: Căn cứ các hoạt động cải tiến chất lượng của đơn vị mình được phân công chủ trì để xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai theo thời gian ghi trong kế hoạch, trong kế hoạch hằng năm của đơn vị và triển khai thực hiện; lưu minh chứng các hoạt động đã thực hiện để phục vụ cho việc báo cáo cơ quan quản lý các cấp và xây dựng báo cáo tự đánh giá và kiểm định chất lượng.

d) Các khoa khác, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường: Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Mầm non.

đ) Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), các đơn vị chủ trì xây dựng các hoạt động cải tiến chất lượng phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Mầm non và gửi về Phòng Bảo đảm chất lượng giáo dục để tổng hợp, báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội./.